

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THỦY
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28 – 3 - 2023

V/v “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THỦY, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thúy Nguyên

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Bà Trần Vĩnh Hạnh

2/ Bà Trần Thị Thu

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trương Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 28 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 180/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2022 về “*Tranh chấp ly hôn*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 300/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Thanh S, sinh năm 1993. Có mặt

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Nhí E, sinh năm 1991. Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Số C, tổ D, KV1, P.T, Q . B, TP ..

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Anh T – thuộc đoàn Luật sư thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/6/2022 và quá trình giải quyết, nguyên đơn ông Lê Thanh S trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị Nhí E sau thời gian quen biết, tìm hiểu và tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận B, thành phố Cần Thơ, được cấp theo giấy chứng nhận kết hôn số 71/2012, quyển I/2012 ngày 17/7/2012. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm, dẫn đến thường xuyên tranh cãi, vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2023 đến

nay, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Nay ông Lê Thanh S khởi kiện yêu cầu:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Nhí E.
- Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Chí T1, sinh ngày 17/05/2013. Ông S yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Nhí E: Mặc dù, đã được Tòa án triệu hợp lệ nhiều lần nhưng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa,

Bị đơn vắng mặt.

Nguyên đơn ông S trình bày: Ông vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với bà Nhí E, về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống và vấn đề chính là do bà Nhí E có tình cảm với người đàn ông khác, mặc dù đã được gia đình hai bên hàn gắn đoàn tụ nhưng vẫn không hàn gắn được. Ông và bà đã ly thân khoảng 3 tháng, từ khi ly thân cả hai không ai quan tâm đến ai, khi ly thân ông là người trực tiếp nuôi con nhưng bà Nhí E không tới lui thăm con. Do hiện tại tình cảm giữa ông và bà Nhí E không còn nên ông xin ly hôn. Về con chung, có 01 con chung tên Lê Chí T1, từ trước đến nay con do ông trực tiếp nuôi dưỡng và sống cùng ông nên ông yêu cầu được nuôi con chung, hơn nữa con ông cũng có nguyện vọng là sống cùng ông, ông không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung không có.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông S, không trình bày tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật:* ông Lê Thanh S và bà Nguyễn Thị Nhí E tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và điều chỉnh. Quá trình chung sống giữa ông S và bà Nhí E phát sinh mâu thuẫn nên ông S có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn. Quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn ông Lê Thanh S có mặt, bị đơn bà Nguyễn Thị Nhí E đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa hai lần nhưng vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Xét quan hệ hôn nhân*: Ông S và bà E sau thời gian quen biết, tìm hiểu thì tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào năm 2012. Theo ông S trình bày tại bản tự khai ngày 29/6/2022 và tại phiên tòa sơ thẩm, sau khi kết hôn vợ chồng hạnh phúc, nhưng sau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên tranh cãi và bà Nhí E có tình cảm với người đàn ông khác nên cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng lớn và trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông S yêu cầu được ly hôn.

Mặc khác, bà E đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không đến Tòa án để được hoà giải, động viên đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này chứng tỏ giữa ông S và bà E đã không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc duy trì đời sống vợ chồng cũng không còn ý nghĩa. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Lê Thanh S theo quy định tại khoản 1 Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] *Về con chung*: Căn cứ vào giấy khai sinh mang tên Lê Chí T1 thể hiện giữa ông S và bà E có 01 người con chung tên Lê Chí T1, sinh ngày 17/5/2013. Khi ly hôn nguyên đơn ông Lê Thanh S yêu cầu trực tiếp nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng. Xét tại nguyện vọng của cháu T1 vào ngày 14/11/2022 thì cháu T1 có nguyện vọng được sống cùng cha (anh S), hơn nữa theo như nguyên đơn trình bày từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay, con do anh trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và sống cùng anh. Nên tiếp tục giao con chung cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến trưởng thành là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân gia đình. Về cấp dưỡng không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: ông S trình bày là tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này có ai tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác (nếu có yêu cầu).

[6] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nguyên đơn phải chịu, khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã dự nộp theo biên lai thu số 0002767 ngày 10/10/2022 của Chi cục Thi hành dân sự quận B, thành phố Cần Thơ thành án phí phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 19, Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2017/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Thanh S về việc ly hôn và nuôi con với bà Nguyễn Thị Nhí E.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* ông Lê Thanh S được ly hôn với bà Nguyễn Thị Nhí E.

2. *Về con chung:* Tiếp tục giao con chung tên Lê Chí T1 cho nguyên đơn ông Lê Thanh S trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho chị Nhí E, không ai có quyền ngăn cản khi thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này có ai tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác (nếu có yêu cầu).

4. *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nguyên đơn phải chịu, khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã dự nộp theo biên lai thu số 0002767 ngày 10/10/2022 của Chi cục Thi hành dân sự quận B, thành phố Cần Thơ thành án phí phải chịu.

5. *Quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND Q.BT;
- Chi cục THADS Q.BT;
- TAND TP.CT;
- UBND P.Trà Nóc;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phan Thúy Nguyên

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN
TÒA**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN

Trần Thị Thu Trần Vĩnh Hạnh Phan Thúy Nguyên